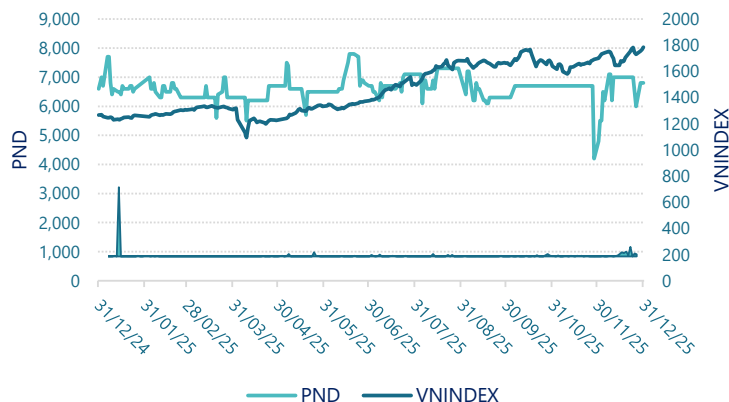




CTCP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (UPCOM: PND)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
SL cổ phiếu LH	6,666,666
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,979
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/25

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/25

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.0%

DT thuần

2025

3,189

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 300 | 10.4%

LN sau thuế

2025

1.04

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.52 | -33.0%

ROE

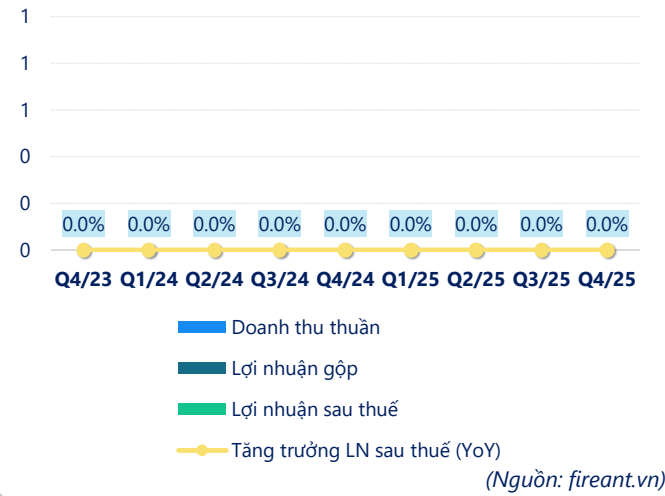
2025

2.4%

+/- YoY: ▼ 1.3%

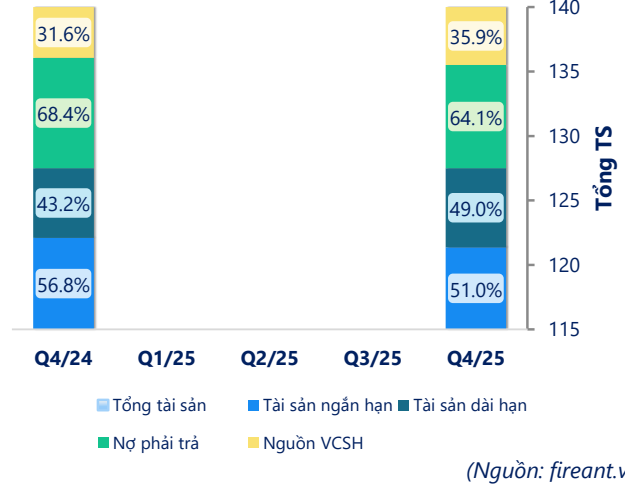
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

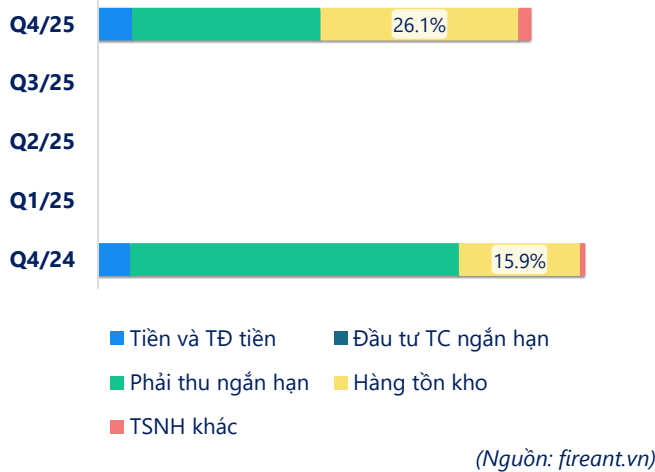


Cơ cấu Tổng tài sản

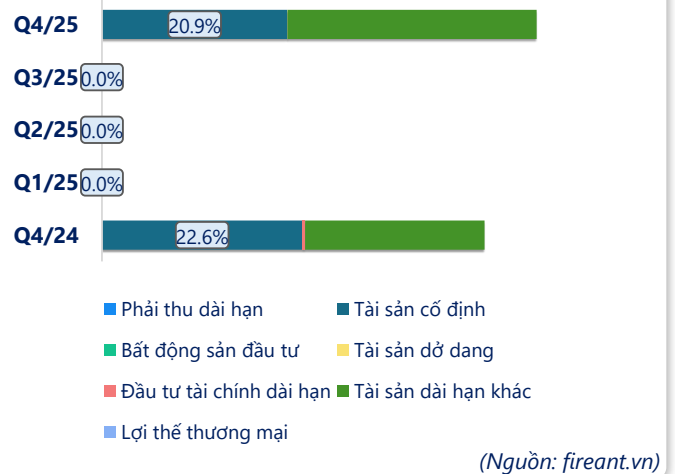
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

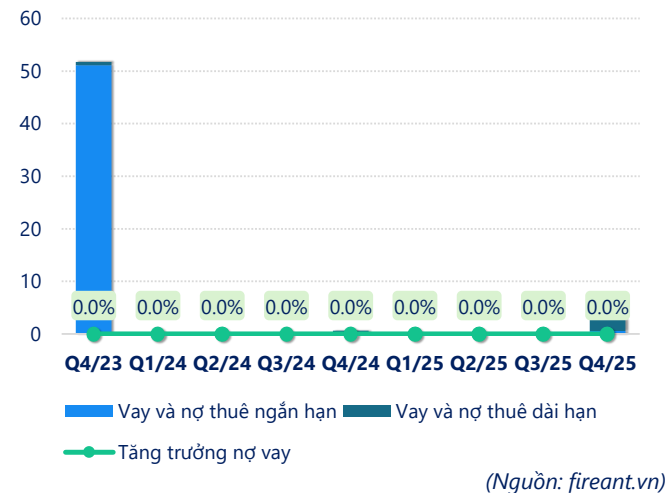


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



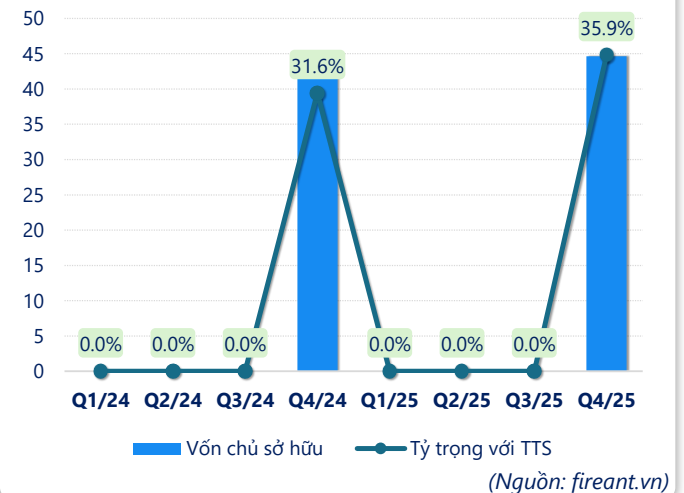
tỷ VNĐ

Nợ vay



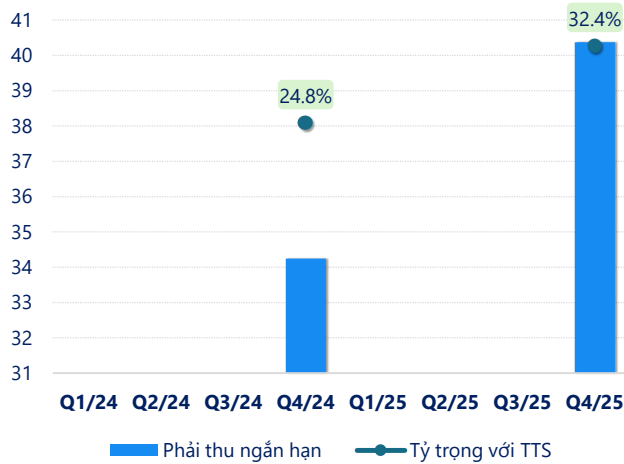
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



tỷ VNĐ

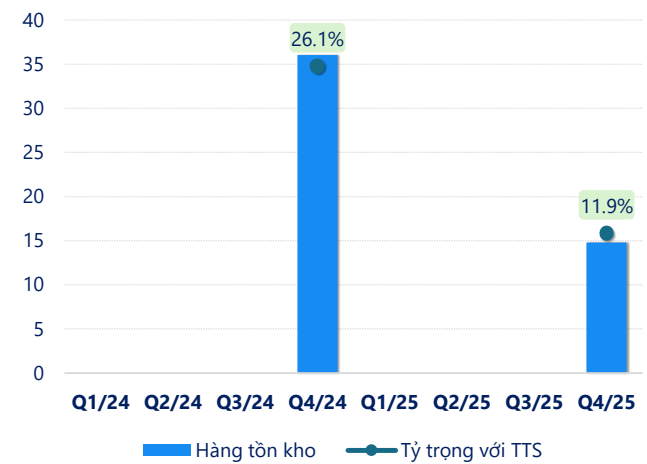
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

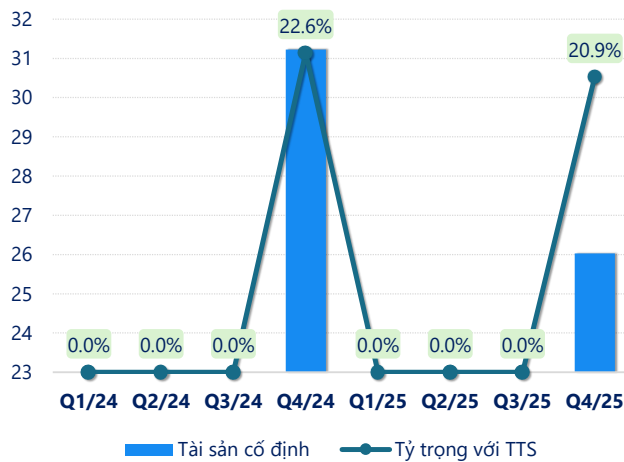
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

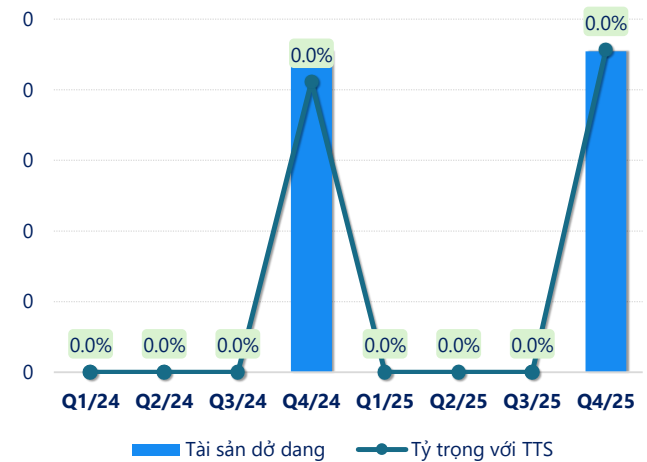
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

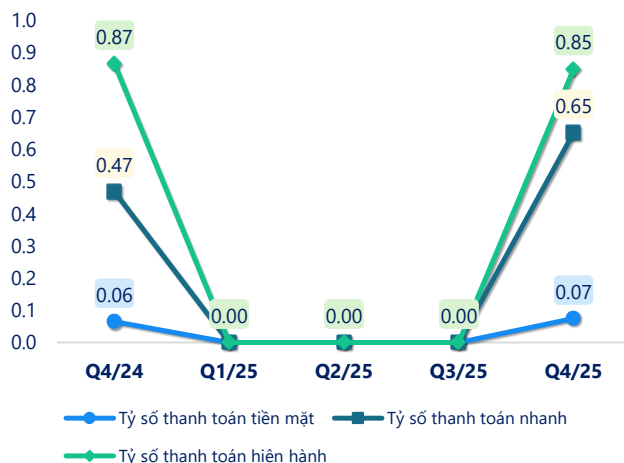
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



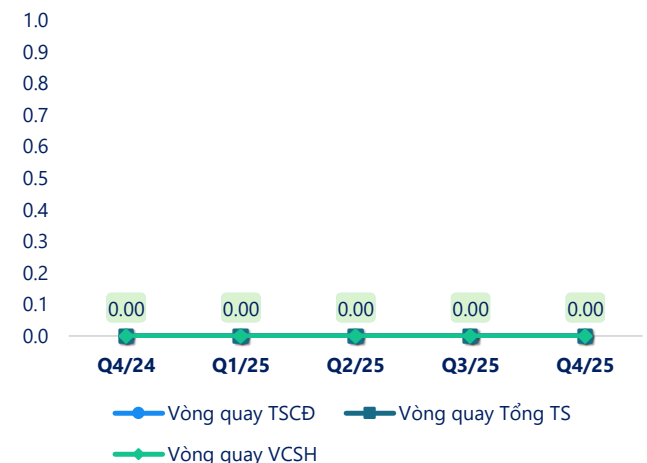
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	138				124
Tài sản ngắn hạn	78.5				63.4
Tiền và tương đương tiền	5.87				5.57
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0				0
Phải thu ngắn hạn	34.2				40.4
Hàng tồn kho	36.0				14.8
Tài sản ngắn hạn khác	2.34				2.66
Tài sản dài hạn	59.6				61.0
Phải thu dài hạn	0				0
Tài sản cố định	31.2				26.0
Bất động sản đầu tư	0				0
Tài sản dở dang	0.02				0.02
Đầu tư tài chính dài hạn	0.42				0
Tài sản dài hạn khác	27.9				35.0
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	94.5				79.8
Nợ ngắn hạn	90.6				74.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.17				0.55
Phải trả người bán ngắn hạn	58.5				25.2
Nợ dài hạn	3.91				5.16
Vay và nợ thuê dài hạn	0.47				2.22
Nguồn vốn chủ sở hữu	43.6				44.6
Vốn chủ sở hữu	43.6				44.6
Vốn điều lệ	66.7				66.7
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)